

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Ái Nguyên.

2. Bà Nguyễn Hồng Lành.

Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngân - T ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2019/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, về việc: ***“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”*** theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **V Th.Th** – sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Nguyễn V,V** - sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp P, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị V Th.Th trình bày và yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh V sống chung từ năm 1997, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do cuộc sống chung vợ chồng Tòng xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, nên chị Th và anh V ly thân khoảng 2 năm nay. Hiện tại chị Th không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu ly hôn anh V.

- Về con: Chị Th và anh V có 03 người con chung là Nguyễn Thị K.Th- sinh ngày 12/02/1999, cháu Nguyễn Thị K.T - sinh ngày 20 tháng 02 năm 2002 và cháu

Nguyễn Thị B.H - sinh ngày 22 tháng 5 năm 2007. Cháu Th đã đủ tuổi thành niên, có gia đình riêng và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên chị Th không yêu cầu giải quyết. Chị Th yêu cầu nuôi cháu T và cháu H, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do anh V thường xuyên vắng mặt tại nhà nên Tòa án không làm việc được với anh V, anh V cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị Th.

*** *Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** *Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Chị Th đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, riêng anh V vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh V.

+ Về con: Giao cháu Nguyễn Thị K.T - sinh ngày 20 tháng 02 năm 2002 và cháu Nguyễn Thị B.H - sinh ngày 22 tháng 5 năm 2007 cho chị Th nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

*** *Các tình tiết của vụ án:***

- Chị Th và anh V tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Th và anh V có hai con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị K.T - sinh ngày 20 tháng 02 năm 2002 và cháu Nguyễn Thị B.H - sinh ngày 22 tháng 5 năm 2007. Anh V không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị Th.

- Chị Th xác định chị và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị V Th.Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn V,V, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Th có đề nghị xét xử vắng mặt; Anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh V: Chị Th và anh V tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đây là hôn nhân không hợp pháp, nay chị Th yêu cầu ly hôn anh V, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Nguyễn V.V.

[4] Xét về con chung:

[4.1] Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Th và anh V có hai người con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị K.T - sinh ngày 20 tháng 02 năm 2002 và cháu Nguyễn Thị B.H - sinh ngày 22 tháng 5 năm 2007, hiện tại cháu T và cháu H đang sống chung chị Th. Chị Th yêu cầu nuôi hai con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình giao hai con chung cho chị Th trực tiếp nuôi. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[4.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định chị Th và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh V không phải chịu án phí.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V Th.Th và anh Nguyễn V,V.

2. Về con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung chưa thành niên của chị Th và anh V là cháu Nguyễn Thị K.T - sinh ngày 20 tháng 02 năm 2002 và cháu Nguyễn Thị B.H - sinh ngày 22 tháng 5 năm 2007 cho chị Th trực tiếp nuôi. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị V Th.Th phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004315 ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí đối với chị Th số tiền 300.000đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang